

Tăng cường giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh ở Trường Tiểu học Trương Văn Thành, thành phố Thủ Đức

Đinh Thị Tú Trinh

Học viên cao học, Trường ĐH Trà Vinh

Received: 29/7/2024; Accepted: 2/8/2024; Published: 6/8/2024

Abstract: Primary education plays a crucial role in shaping children's character. Educating self-defense skills from this educational level helps students establish a solid foundation for character development. This paper discusses the current state of the goals, content, forms, conditions, and subjective and objective factors affecting self-defense education activities for students at Truong Van Thanh Primary School in Thu Duc City.

Keywords: Management, Education, Self-defense skills, Primary school students

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) đã đặt ra mục tiêu: Đối với GD phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh (HS). Giáo dục kỹ năng (KN) tự bảo vệ cho HS tiểu học giữ vai trò to lớn trong việc bắt đầu tạo nên hệ giá trị sống cho các em, giúp các em thể hiện được giá trị của bản thân vào cuộc sống để từ đó các em trưởng thành với một hệ giá trị tích cực. Bên cạnh đó, việc giáo dục KN tự bảo vệ còn tạo nên nét văn hóa trong nhà trường. Đó là văn hóa đoàn kết và tự bảo vệ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1 Thực trạng về mục tiêu hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (KNTBV) bản thân của HS trường tiểu học

Qua kết quả khảo sát cho thấy điểm TBC của CBQL, GV là 3,05 và điểm TBC của CMHS và HS là 3,07. Như vậy điểm TBC của CBQL, GV và CMHS và HS xấp xỉ nhau. Điều này chứng tỏ nhận thức của CBQL, GV xác định về mục tiêu của hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho HS ở trường Tiểu học Trương Văn Thành, TP Thủ Đức là rất quan trọng.

- Đối với CBQL và GV: Mục tiêu quan trọng nhất được CBQL, GV đánh giá là nội dung 1 Giúp trẻ em phát triển nhận thức về các nguy cơ xung quanh, học cách tự bảo vệ và thực hành các KN cần thiết để giữ an toàn cho bản thân và người khác. Ở đây, cần phải giúp trẻ nhận thức và biết xử lý các nguy cơ xung quanh từ đó biết cách bảo vệ bản thân khi xảy ra tình huống.

Tiếp theo được CBQL, GV đánh giá là nội dung thứ 2 với 17 CBQL, GV đánh giá ở mức tốt chiếm tỉ lệ 28,8 %. Có 37 CBQL, GV đánh giá ở mức khá chiếm tỉ lệ 62,7%. Có 5 CBQL, GV đánh giá ở mức đạt chiếm tỉ lệ 8,5%. Không có CBQL, GV đánh giá ở mức chưa đạt.

- Đối với CMHS và HS: Nội dung thứ 1 cũng được đánh giá quan trọng nhất. Có 35 CMHS và HS đánh giá ở mức tốt chiếm tỉ lệ 35 %. Có 65 CMHS và HS đánh giá ở mức khá chiếm tỉ lệ 65. Không có CMHS và HS đánh giá ở mức đạt và chưa đạt.

Nội dung mà CMHS và HS đánh giá thấp nhất đó là nội dung thứ 4 giúp các em có KNTBV mình trước những vấn đề của xã hội có nguy cơ ảnh hưởng đến cuộc sống an toàn và sức khỏe của các em. Đây cũng là nội dung mà CBQL, GV cũng đánh giá thấp nhất trong 6 nội dung trên.

2.2 Thực trạng về nội dung hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho HS ở trường tiểu học

-Đối với CBQL và GV: Nội dung được đánh giá cao nhất là nội dung thứ 6 KN tham gia giao thông; KN thích ứng trong môi trường xã hội với ĐTB là 3,37, với điểm này thì ở mức 4: 3,25 X 4,0 mức tốt. Điều này chứng tỏ KN tham gia giao thông; KN thích ứng trong môi trường xã hội là rất quan trọng. Nội dung mà CBQL và GV đánh giá thấp nhất là nội dung thứ 5. Có 14 CBQL, GV đánh giá ở mức tốt chiếm tỉ lệ 23,7 %. Có 20 CBQL, GV đánh giá ở mức khá chiếm tỉ lệ 34%. Có 13 CBQL, GV đánh giá ở mức đạt chiếm tỉ lệ 22% và 12 CBQL, GV đánh giá ở mức chưa đạt chiếm tỉ lệ 20,3%.

-Đối với CMHS và HS: Nội dung được đánh giá cao nhất là nội dung thứ 6 cũng cùng quan điểm với

CBQL, GV. Nội dung mà CMHS và HS đánh giá thấp nhất đó là nội dung thứ 4 KN tránh bị xâm hại thân thể, quấy rối tình dục. Có 22 CMHS và HS đánh giá ở mức tốt chiếm tỉ lệ 22%. Có 60 CMHS và HS đánh giá ở mức khá chiếm tỉ lệ 60% và 18 CMHS và HS đánh giá ở mức đạt chiếm tỉ lệ 18%.

2.3 Thực trạng về PP hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho HS ở trường Tiểu học

Qua kết quả khảo sát và phỏng vấn của CBQL, GV và CMHS và HS về thực trạng về PP hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho học sinh ở trường Tiểu học Trương Văn Thành, TP Thủ Đức cho thấy điểm TBC của CBQL và GV được đánh giá là 2,75 và 2,7. Điểm TBC này đạt ở mức 3, 2,50 X 3,25 mức khá.

- Đối với CBQL và GV: PP được đánh giá cao nhất là PP thảo luận, phân tích, trao đổi. Việc thường xuyên sử dụng PP thảo luận, phân tích, trao đổi sẽ nâng cao hiệu quả giáo dục KNTBV bản thân cho HS.

PP được đánh giá thấp nhất là PP thứ 3 PP thực hành với 14 CBQL, GV đánh giá ở mức tốt chiếm tỉ lệ 23,7%, 15 CBQL, GV đánh giá ở mức khá chiếm tỉ lệ 25,6% và 20 CBQL, GV đánh giá ở mức đạt chiếm tỉ lệ 33,8%, 10 CBQL, GV đánh giá ở mức chưa đạt chiếm tỉ lệ 16,9%.

-Đối với CMHS và HS phương pháp được đánh giá thấp nhất là PP thứ 5, PP nêu gương với ĐTB là 2,44. Ở đây, có 12 CMHS và HS đánh giá ở mức tốt chiếm tỉ lệ 12%. Có 356 CMHS và HS đánh giá ở mức khá chiếm tỉ lệ 35% và 38 CMHS và HS đánh giá ở mức đạt chiếm tỉ lệ 38% và 15 có CMHS và HS đánh giá ở mức chưa đạt chiếm tỉ lệ 15%.

2.4 Thực trạng về hình thức hoạt động giáo dục KNTBV bản thân của HS ở trường tiểu học

Đối với CBQL, GV: Điểm TBC được đánh giá là 3,19 như vậy chứng tỏ các hình thức tổ chức được CBQL đánh giá ở mức khá. Bảng số liệu mô tả đánh giá của hai nhóm đối tượng khảo sát: cán bộ quản lý và giáo viên (CBQL, GV) và cán bộ quản lý HS và HS (CMHS, HS) về các hình thức tổ chức giáo dục KNTBV. Dữ liệu được phân chia theo bốn mức độ: Chưa đạt, Đạt, Khá, Tốt và tính điểm trung bình (ĐTB) cho mỗi hình thức tổ chức.

Tích hợp nội dung giáo dục KNTBV vào chương trình giảng dạy chính khóa: CBQL, GV: Tỉ lệ «Tốt» cao nhất với 49,3% và điểm trung bình 3,37 (thứ hạng 2). CMHS, HS: Tỉ lệ «Khá» cao nhất với 65% và điểm trung bình 3,05 (thứ hạng 2). Đây là hình thức tổ chức được đánh giá cao nhất ở cả hai nhóm đối tượng.

Tổ chức các buổi hội thảo, diễn thuyết, lớp học

ngoại khóa: CBQL, GV: Tỉ lệ «Tốt» rất cao với 67,8% và điểm trung bình 3,67 (thứ hạng 1). CMHS, HS: Tỉ lệ «Khá» cao nhất với 42% và điểm trung bình 3,1 (thứ hạng 1). Đánh giá cao nhất trong cả hai nhóm đối tượng, đặc biệt ở nhóm CBQL, GV. Sử dụng trò chơi, kịch tình huống hoặc hoạt động mô phỏng: CBQL, GV: Tỉ lệ «Chưa đạt» cao nhất với 18,6% và điểm trung bình 2,45 (thứ hạng 5). CMHS, HS: Tỉ lệ «Chưa đạt» là 17% và điểm trung bình 2,45 (thứ hạng 4). Đánh giá thấp ở cả hai nhóm đối tượng.

Tổ chức các buổi diễn tập xử lý tình huống khẩn cấp: CBQL, GV: Tỉ lệ «Khá» và «Tốt» khá cao với tổng cộng 74,6% và điểm trung bình 3,1 (thứ hạng 4). CMHS, HS: Tỉ lệ «Chưa đạt» cao với 45% và điểm trung bình 1,98 (thứ hạng 5). Đánh giá thấp ở nhóm CMHS, HS nhưng lại khá cao ở nhóm CBQL, GV.

Tổ chức các buổi thảo luận nhóm: CBQL, GV: Tỉ lệ «Đạt» và «Khá» cao với tổng cộng 67,8% và điểm trung bình 3,4 (thứ hạng 3). CMHS, HS: Tỉ lệ «Khá» là cao nhất với 33% và điểm trung bình 2,69 (thứ hạng 3).

Hình thức tổ chức được đánh giá cao nhất là tổ chức các buổi hội thảo, diễn thuyết hoặc lớp học ngoại khóa (với điểm trung bình cao nhất trong cả hai nhóm đối tượng). Hình thức tổ chức được đánh giá thấp nhất là sử dụng trò chơi, kịch tình huống hoặc các hoạt động mô phỏng (với điểm trung bình thấp nhất trong cả hai nhóm đối tượng). Điểm trung bình chung: CBQL, GV: 3,19, CMHS, HS: 2,65.

2.5 Thực trạng điều kiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân của HS ở trường Tiểu học

Trang bị đầy đủ CSVC và trang thiết bị cần thiết: CBQL, GV: Tỉ lệ «Khá» cao nhất với 69,5% và điểm trung bình 3,37 (thứ hạng 3). CMHS, HS: Tỉ lệ «Khá» cao nhất với 72% và điểm trung bình 3,28 (thứ hạng 4). Đây là điều kiện được đánh giá khá cao ở cả hai nhóm, cho thấy sự quan tâm đến việc trang bị CSVC là quan trọng.

Xây dựng và triển khai chương trình giảng dạy chi tiết: CBQL, GV: Tỉ lệ «Tốt» cao nhất với 57,7% và điểm trung bình 3,57 (thứ hạng 1). CMHS, HS: Tỉ lệ «Khá» cao nhất với 63% và điểm trung bình 3,37 (thứ hạng 3). Được đánh giá cao nhất về sự phù hợp của chương trình giảng dạy với lứa tuổi và trình độ HS.

Đào tạo đội ngũ GV có kiến thức và KN chuyên môn: CBQL, GV: Tỉ lệ «Tốt» là 44,1% và điểm trung bình 3,23 (thứ hạng 5). CMHS, HS: Tỉ lệ «Tốt» là 56% và điểm trung bình 3,47 (thứ hạng 2). Đánh giá

thấp hơn so với các điều kiện khác, cho thấy cần cải thiện đào tạo đội ngũ GV.

Khuyến khích sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng: CBQL, GV: Tỷ lệ “Tốt” cao nhất với 79,7% và điểm trung bình 3,45 (thứ hạng 2). CMHS, HS: Tỷ lệ “Tốt” là 59% và điểm trung bình 3,59 (thứ hạng 1). Đây là điều kiện được đánh giá rất cao, đặc biệt ở nhóm CMHS, HS, cho thấy sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng là rất quan trọng.

Thiết lập hệ thống đánh giá hiệu quả của các chương trình: CBQL, GV: Tỷ lệ “Tốt” là 47,5% và điểm trung bình 3,32 (thứ hạng 4). CMHS, HS: Tỷ lệ “Khá” là 48% và điểm trung bình 3,02 (thứ hạng 5). Đánh giá thấp hơn ở nhóm CMHS, HS, cho thấy cần cải thiện hệ thống đánh giá hiệu quả. Điều kiện được đánh giá cao nhất là khuyến khích sự tham gia tích cực của phụ huynh và cộng đồng (với điểm trung bình cao nhất ở nhóm CMHS, HS). Điều kiện được đánh giá thấp nhất là đào tạo đội ngũ GV (với điểm trung bình thấp hơn so với các điều kiện khác).

Điểm trung bình chung: CBQL, GV: 3,38. CMHS, HS: 3,34. Điểm trung bình chung cho thấy cả hai nhóm đối tượng đều đánh giá các điều kiện khá tốt, nhưng có sự khác biệt nhỏ trong đánh giá giữa các điều kiện cụ thể.

2.6 Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục KNTBV bản thân của HS ở trường tiểu học

Bảng số liệu trình bày sự đánh giá của hai nhóm đối tượng khảo sát: cán bộ quản lý và GV (CBQL, GV) và cán bộ quản lý HS và HS (CMHS, HS) về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đến hiệu quả của hoạt động giáo dục KNTBV bản thân.

Năng lực quản lý của Ban giám hiệu: CBQL, GV: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 56% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” chưa được nêu rõ (có thể là 0% trong số liệu). CMHS, HS: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 11% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” là 89%. Năng lực quản lý của Ban giám hiệu được coi là có ảnh hưởng lớn hơn theo đánh giá của CMHS, HS so với CBQL, GV.

Kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của GV: CBQL, GV: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 44% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” chưa được nêu rõ (có thể là 0% trong số liệu). CMHS, HS: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 23% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” là 77%. Kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của GV được đánh giá là có ảnh hưởng lớn hơn từ góc nhìn của CMHS, HS so với CBQL, GV.

Sự nhiệt tình và tâm huyết của GV: CBQL, GV: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 46% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” chưa được nêu rõ (có thể là 0% trong số liệu).

CMHS, HS: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 21% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” là 79%. Sự nhiệt tình và tâm huyết của giáo viên được đánh giá cao hơn từ phía CMHS, HS.

Sự hợp tác giữa các GV trong trường: CBQL, GV: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 48% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” chưa được nêu rõ (có thể là 0% trong số liệu). CMHS, HS: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 13% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” là 87%. Sự hợp tác giữa các GV được đánh giá là rất quan trọng từ góc nhìn của CMHS, HS hơn so với CBQL, GV.

Tính sáng tạo và linh hoạt của GV: CBQL, GV: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 47% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” chưa được nêu rõ (có thể là 0% trong số liệu). CMHS, HS: Tỷ lệ “Ảnh hưởng” là 21% và tỉ lệ “Rất ảnh hưởng” là 79%. Tính sáng tạo và linh hoạt của GV được đánh giá cao hơn theo quan điểm của CMHS, HS.

Yếu tố ảnh hưởng nhất theo đánh giá của CMHS, HS là sự nhiệt tình và tâm huyết của GV (với 79% “Rất ảnh hưởng”). Yếu tố ảnh hưởng ít nhất theo đánh giá của CBQL, GV có thể là sự hợp tác giữa các GV (với 48% “Ảnh hưởng”).

CBQL, GV: Điểm trung bình chung là 3,90, cho thấy các yếu tố khách quan đều được đánh giá cao, với điểm cao nhất cho chính sách và quy định của Bộ GD & ĐT.

CMHS, HS: Điểm trung bình chung là 3,93, cho thấy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan được đánh giá cao, với điểm cao nhất cũng cho chính sách và quy định của Bộ GD & ĐT.

3. Kết luận

Đề tăng cường hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh tại Trường Tiểu học Trương Văn Thành, Thành phố Thủ Đức, cần chú trọng đến các yếu tố chính như chính sách, sự hỗ trợ từ phụ huynh và cộng đồng, cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính và đào tạo giáo viên. Cần thực hiện các biện pháp đồng bộ và liên tục để cải thiện và duy trì chất lượng giáo dục, đảm bảo rằng học sinh được trang bị đầy đủ kỹ năng cần thiết để bảo vệ bản thân trong mọi tình huống.

Tài liệu tham khảo

- Quốc Hội (2019), *Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2019*, NXB Chính trị Quốc gia - ST. Hà Nội
- Chính phủ (2013) *Nghị quyết 29/2013/NQ-TU ngày 04 /11/2013 về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”*. Hà Nội
- Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội